TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 192/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16-8- 2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 278/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972(có mặt).*

Trú tại: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn: Ông **Phạm Hùng A**, sinh năm 1973 (có mặt).*

Trú tại: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hùng A thành hôn với nhau vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Qua thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Hùng A có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường hay cải nhau bà H và ông Hùng A ly thân khoảng 4 tháng nay. Xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Hùng A.

Về con chung: Bà H và ông Hùng A có 02 con chung tên Phạm Mỹ A, sinh năm 1996 đã trưởng thành; Phạm Mỹ H, sinh năm 2010. Cháu H đang sống với bà

H. Bà H yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu ngày 10/7/2017 cũng như tại phiên tòa bà H không yêu cầu xem xét về con chung, bà H và ông Hùng A tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/06/2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Hùng A trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phạm Hùng A và bà Nguyễn Thị H thành hôn với nhau vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. nguyên nhân mâu thuẫn do ông đi làm ăn, bà H nghi ngờ ông Hùng A có quen với người phụ nữ khác; ông Hùng A và H vẫn còn sống chung nhà. Xét thấy không mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông Hùng A có 02 con chung tên Phạm Mỹ A, sinh năm 1996 đã trưởng thành; Phạm Mỹ H, sinh năm 2010. Cháu H đang sống với bà H. Tự thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Hùng A có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Hùng A, nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hùng A thành hôn với nhau năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó pháp luật không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hùng A là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Tại đơn yêu cầu ngày 10/7/2017 cũng như tại phiên tòa bà H không yêu cầu xem xét về con chung, bà H và ông Hùng A tự thỏa thuận.

Xét thấy việc tự thỏa thuận về con chung giữa bà H với ông Hùng A phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về con chung của bà Nguyễn Thị H.

[4] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Hằng phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hùng A là vợ chồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về con chung của bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Bà H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006930 ngày 10/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân